

DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2019-2021

(Đính kèm Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM 2018			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN TTgCP giao	DỰ TOÁN HĐND cấp tỉnh quyết định	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021
		1	2	3	4	5	6
A	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	11.891.512	12.849.278	11.898.526	11.506.278	11.387.679	11.717.903
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	9.580.878	10.114.544	9.727.469	10.055.044	11.228.857	11.615.127
	Trong đó: Chi cân đối ngân sách địa phương tính tỷ lệ điều tiết, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (1)	9.580.878	9.272.144	9.477.469	9.585.044	9.895.076	10.308.646
1	Chi đầu tư phát triển	3.897.200	4.196.736	4.106.674	3.634.800	4.695.061	4.878.889
1.1	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật						
1.2	Chi đầu tư phát triển còn lại (1-1.1)	3.897.200	4.196.736	4.106.674	3.634.800	4.695.061	4.878.889
	Trong đó:						
1.2.1	Chi đầu tư phát triển của các dự án phân theo nguồn vốn	3.897.200	4.196.736	4.106.674	3.634.800	4.695.061	4.878.889
a	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước		1.764.336	2.226.625	1.464.800	1.611.280	1.772.408
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	330.000	330.000	421.049	400.000	400.000	400.000
	Trong đó: GTGC từ nguồn thu sử dụng đất và tiền thuê đất			91.049			
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		1.260.000	1.209.000	1.300.000	1.350.000	1.400.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		842.400	250.000	470.000	1.333.781	1.306.481
1.2.2	Chi đầu tư phát triển phân theo lĩnh vực	3.897.200	4.196.736	4.106.674	3.634.800	4.695.061	4.878.889
2	Chi thường xuyên	5.495.128	5.685.908	5.455.523	6.216.998	6.318.727	6.479.084
2.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.101.685	2.174.161	2.147.610	2.293.288	2.330.813	2.389.965
2.2	Chi khoa học và công nghệ	32.090	37.547	35.726	38.418	39.047	40.038
2.3	Chi quốc phòng		129.621	125.084	108.194	109.964	112.755
2.4	Chi an ninh		58.627	56.704	79.597	80.899	82.953
2.5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		506.617	497.498	544.512	553.422	567.467
2.6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		61.073	58.121	57.882	58.829	60.322
2.7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		12.090	11.546	9.701	9.860	10.110
2.8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		68.908	66.153	56.920	57.851	59.320
2.9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		195.890	186.616	208.152	211.558	216.927
2.10	Chi hoạt động kinh tế		589.188	565.811	624.382	634.599	650.704
2.11	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể		702.506	679.253	704.667	716.197	734.373
2.12	Chi bảo đảm xã hội		322.820	315.278	287.745	292.453	299.875
2.13	Các khoản chi thường xuyên phát sinh trong năm		200.167	199.890	376.814	382.980	392.699
2.14	Chi ngân sách xã		526.693	510.233	550.936	559.951	574.161

STT	NỘI DUNG	NĂM 2018			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN TTgCP giao	DỰ TOÁN HĐND cấp tỉnh quyết định	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021
		1	2	3	4	5	6
2.15	Nguồn 10% tiết kiệm CTX để thực hiện cải cách tiền lương		100.000		275.790	280.303	287.416
3	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	12.400	12.400	11.452	20.000	41.300	77.200
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.380	1.380	1.380	1.380	1.380	1.380
5	Dự phòng ngân sách	174.770	128.129	62.448	181.866	172.389	178.575
6	Chi hoàn trả vốn ứng Quỹ Phát triển đất		89.991	89.991			
7	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương						
II	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			6.324			
III	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	2.310.634	2.734.734	2.164.734	1.388.534	158.822	102.776
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia						
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	2.310.634	2.734.734	2.164.734	1.388.534	158.822	102.776
IV	CHI TRẢ NỢ GỐC (từ nguồn kết dư ngân sách địa phương)				62.700	31.304	48.796
C	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	842.400	842.400	842.400	470.000	1.333.781	1.306.481
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG						

Ghi chú (1) Đã bao gồm chi trả nợ gốc và chưa bao gồm chi từ nguồn bội chi ngân sách.